

Số: **57/2019/ HNGĐ-ST**

Ngày 14/11/2019

V/v: “*Ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lã Hùng Cường.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trình.**
2. Ông **Nguyễn Minh Tuấn.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thái Bình** - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345 /2019/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 07 năm 2019 về tranh chấp “ xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐHPT ngày 28/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 9, xã BT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 9, xã BT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn HS, xã BV, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

(Anh L có mặt tại phiên tòa, chị T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai anh Bùi Văn L trình bày: anh Bùi Văn L kết hôn hợp pháp với chị Triệu Thị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội ngày 22/10/2010. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được hơn một năm thì đến đầu năm 2012 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và kéo dài căng thẳng. Vợ chồng anh L, chị T thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi chửi, không quan tâm, chia sẻ và thiếu tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ cuối năm 2012 cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do khó khăn về kinh tế, chị T thường tự ý bỏ nhà đi và có quan hệ ngoại tình với người khác, anh L đã nhiều lần tha thứ bỏ qua nhưng chị T vẫn không thay đổi khiến cuộc sống gia đình luôn mâu thuẫn căng thẳng và bế tắc. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, xin được ly hôn chị Triệu Thị T.

Về con chung : anh Bùi Văn L xác định anh và chị Triệu Thị T có 01 con chung là: Bùi Quang S, sinh ngày 25/06/2010; Hiện nay cháu S đang sống cùng anh L. Anh L có quan điểm: nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh L có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Bùi Quang S cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Triệu Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung, công sức: Anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung, công sức.

Về tài sản riêng, công nợ chung: Anh L xác định vợ chồng không có tài sản riêng, công nợ chung;

Tại bản tự khai ngày 17/7/2019, cháu Bùi Quang S trình bày: Cháu là con đẻ của bố Bùi Văn L và mẹ Triệu Thị T, hiện nay cháu đang học lớp 4 trường Tiểu học xã Ba Trại B. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu S có nguyện vọng được sống cùng với bố Bùi Văn L.

Tại phiên tòa hôm nay anh Bùi Văn L xác định tình cảm vợ chồng không còn, quá trình chung sống với chị T luôn mâu thuẫn căng thẳng, bế tắc, vợ chồng thường xuyên cãi chửi, xô xát với nhau, không thể chia sẻ, cảm thông, tha thứ cho nhau. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu và nay đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị T. Về con chung: anh L có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Bùi Quang S cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Triệu Thị T phải cấp dưỡng nuôi con

chung; Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung, công sức chung: Không có; Công nợ chung không có.

Tại phiên tòa hôm nay chị Triệu Thị T vắng mặt không có lý do. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Triệu Thị T, tổng đạt thông báo thụ lý, tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với chị Triệu Thị T, chị T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không chấp hành pháp luật, vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2019 đại diện Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và biên bản làm việc ngày 29/7/2019, biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2019 mẹ đẻ của chị Triệu Thị T là bà Hoàng Thị Q cho biết: Anh L và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã BT vào ngày 22/10/2010, sau khi cưới anh L và chị T cùng sinh sống tại gia đình anh L ở địa phương xã BT. Cuộc sống chung của chị T và anh L không hạnh phúc, vợ chồng thường bất đồng quan điểm, cãi chửi nhau, xô xát với nhau, chị T đã bỏ đi từ cuối năm 2012 cho đến nay không trở về nhà sinh sống cùng anh L nữa. Anh L và chị T có một con chung là Bùi Quang S, sinh ngày 25/06/2010; Hiện nay cháu S đang sống cùng anh L. Chính quyền địa phương không nắm được anh L, chị T có tài sản chung, riêng, công sức, nợ chung gì tại địa phương hay không, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Hoàng Thị Q cho biết, hiện tại cháu Bùi Quang S đang sống cùng anh L tại thôn 9, xã Ba Trại, khi chị T bỏ đi anh L vẫn chăm sóc tốt cho cháu S, cháu hoàn toàn khỏe mạnh và phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý. Thực tế, chị T không có công việc ổn định, không có nhà ở nên bà Q nhất trí quan điểm của anh L, đề nghị Tòa án giao cháu S cho anh L nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cho cháu S.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Các Hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Viện kiểm sát không có ý kiến gì

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Bùi Văn L đối với chị Triệu Thị T

Áp dụng điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Văn L, cho anh Bùi Văn L được ly hôn chị Triệu Thị T. Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Quang S, sinh ngày 25/06/2010 cho anh Bùi Văn L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu S đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Triệu Thị T đến khi anh L có yêu cầu và chị T có điều kiện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung, công sức, về tài sản riêng, nợ chung: Không có nên không đề cập xem xét giải quyết.

*Về án phí: anh Bùi Văn L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1, Về tố tụng: Anh Bùi Văn L khởi kiện xin ly hôn chị Triệu Thị T, nơi đăng ký HKTT: Thôn 9, xã Ba Trại, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và chỗ ở hiện nay: Thôn Hợp Sơn, xã Ba Vì, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2, Xét về quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn L và chị Triệu Thị T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh L và chị T về chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2012 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ cuối năm 2012 cho đến nay. Mặc dù gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn chị Triệu Thị T. Chị Triệu Thị T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong suốt quá trình anh L và chị T sống ly thân, chị T không chủ động liên lạc, hòa giải mâu thuẫn với anh L. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T không có mặt chứng tỏ chị T không coi trọng việc hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cho anh Bùi Văn L được ly hôn chị Triệu Thị T.

3, Về con chung: Anh Bùi Văn L và chị Triệu Thị T có một con chung là Bùi Quang S, sinh ngày 25/06/2010; Anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Quang S đến khi cháu S đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng

nuôi con chung; Xét yêu cầu của anh L có căn cứ, anh L đã và đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Quang S từ khi chị T bỏ nhà đi cho đến nay. Anh L chăm sóc chu đáo cho cháu S phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý. Anh L có công việc và thu nhập, có thể đảm bảo các điều kiện về vật chất, thời gian và chỗ ở cho cháu S phát triển bình thường. Bản thân cháu S có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống cùng anh Bùi Văn L. Nên cần thiết chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn L về vấn đề con chung: Giao cháu Bùi Quang S, sinh ngày 25/06/2010 cho anh Bùi Văn L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu S đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Triệu Thị T hiện tại không có công việc ổn định, không có nhà ở, sống phụ thuộc mẹ đẻ là bà Hoàng Thị Q. Mặt khác anh Bùi Văn L không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Triệu Thị T đến khi anh Bùi Văn L có yêu cầu và chị Triệu Thị T có điều kiện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là hợp lý, đúng quy định của pháp luật. Chị Triệu Thị T được quyền qua lại, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4, Về tài sản chung, công sức đóng góp, tài sản riêng, công nợ: Anh Bùi Văn L trình bày là không có. Đối với bị đơn chị Triệu Thị T chưa có lời trình bày, nên HĐXX xác định chưa giải quyết trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện cho chị T bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5, Về án phí: Nguyên đơn anh Bùi Văn L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 69, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 227, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn L đối với chị Triệu Thị T về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi Văn L được ly hôn chị Triệu Thị T

Về con chung: có 01 con chung là: Bùi Quang S, sinh ngày 25/06/2010; Giao cháu Bùi Quang S cho anh Bùi Văn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Triệu Thị T đến khi anh L có đơn yêu cầu và chị T có điều kiện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Triệu Thị T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, tài sản riêng, công nợ chung: Anh L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX chưa giải quyết trong vụ án này, giành quyền khởi kiện cho chị Triệu Thị T bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ các điều kiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí: Anh Bùi Văn L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh L đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009441 ngày 17/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì nay được khấu trừ vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà anh L phải nộp.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 228, điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án hôn nhân gia đình sơ thẩm xét xử công khai, anh Bùi Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Triệu Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự “

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã BT;
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường